

# QUYỀN SỐNG TRONG PHÁP LUẬT PHONG KIẾN VIỆT NAM

NGÔ THỊ THU HOÀI (\*)

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích, làm rõ vấn đề bảo vệ quyền sống của con người qua các bộ luật tiêu biểu của pháp luật phong kiến Việt Nam và những giá trị kế thừa trong việc phát triển và đảm bảo quyền sống trong pháp luật Việt Nam hiện đại. Đặt trong bối cảnh xã hội chuyên chế phương Đông thời kỳ này thì đây là những giá trị nhân văn, tiến bộ rất đáng được ghi nhận và để lại nhiều giá trị tiếp nối theo dòng chảy của thời gian trong sự phát triển của nhân quyền.

**Từ khóa:** Quyền sống; Quốc triều hình luật; Hoàng Việt luật lệ; pháp luật phong kiến Việt Nam; quyền con người.

**Abstract:** This article discussed the right to live in feudal laws and its impacts to modern legal regulations on protecting the right to live. In the context of centralized oriental feudal states, laws on the right to live represent humanistic, progressive ideals which facilitate the development of human rights in the subsequent period.

**Keywords:** Right to live; National Criminal Court Law; Hoang Viet Law; Vietnamese feudal law; human right.

Ngày nhận bài: 30/12/2018; Ngày sửa bài: 20/3/2019; Ngày duyệt đăng bài: 24/4/2019.

## 1. Đặt vấn đề

Khái niệm về nhân quyền chưa xuất hiện trong đời sống xã hội phong kiến Việt Nam và trong các văn bản pháp luật thời kỳ này cũng không hề có từ nhân quyền. Tuy nhiên, nhiều điều luật lại chứa đựng nội dung bảo vệ những quyền con người mà ngày nay Hiến pháp của các quốc gia trong đó có Việt Nam ghi nhận và bảo vệ như quyền sở hữu ruộng đất của nhân dân; quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của con người...

Trong đó, vấn đề bảo vệ quyền sống (hay còn gọi là quyền được sống) dù không được ghi nhận trực tiếp nhưng đã được đề cập trong các bộ luật của các triều đại phong kiến, tiêu biểu như Quốc triều hình luật (Hậu Lê), Hoàng Việt luật lệ (triều Nguyễn)... Thông qua những quy định nhằm ngăn ngừa và trừng trị những hành vi tùy tiện tước bỏ tính mạng của con

người; quy định về trách nhiệm của nhà nước trong việc chăm lo đời sống của người dân; và quy định chặt chẽ đối với những trường hợp phải chịu án tử hình, quyền sống của con người trong xã hội phong kiến Việt Nam đã được đề cao, tôn trọng.

## 2. Nội dung quyền sống trong pháp luật phong kiến Việt Nam

Quyền sống là một quyền tự nhiên, được tạo hóa ban cho và vốn có của con người, không bị hạn chế hay phân biệt về quốc tịch, tôn giáo, giới tính... hay bất kỳ một đặc điểm nào khác. Hiểu theo nghĩa hẹp, quyền sống là điều mà pháp luật công nhận và đảm bảo thực hiện sự tồn tại trước hết về mặt sinh học của con người trong đời sống xã hội. Con người sẽ không bị tước đoạt mạng sống bởi bất cứ lý do gì như bị chết do bị giết, tử hình, bị tra tấn hay chiến

(\*) ThS. Khos Luật, Trường Đại học Vinh.

tranh, khủng bố... Như vậy, hiểu theo nghĩa hẹp thì quyền sống là quyền không bị tước bỏ mạng sống một cách trái luật.

Tuy nhiên, quyền sống không chỉ xét ở khía cạnh ranh giới giữa sự sống và cái chết mà nó được đặt ra ở khía cạnh sống là phải như thế nào, có nghĩa là chất lượng cuộc sống. Theo cách tiếp cận đó, việc bảo đảm quyền sống còn đòi hỏi các quốc gia phải thực thi những biện pháp để làm giảm tỉ lệ chết ở trẻ em và tăng tuổi thọ bình quân của người dân, cụ thể như các biện pháp nhằm xóa bỏ tình trạng suy dinh dưỡng và các dịch bệnh<sup>(1)</sup>..., tức là bao gồm cả các biện pháp thụ động và chủ động để bảo đảm cuộc sống của người dân, đặc biệt là của những cá nhân và nhóm yếu thế.

Dân tộc Việt Nam có truyền thống coi trọng con người, coi con người là vốn quý nhất với quan niệm “người sống hơn đồng vàng”, “một mặt người hơn mười mặt của”. Vì vậy, tính mạng của con người luôn là trên hết. Sự coi trọng vị trí, vai trò và phẩm giá đó của con người không chỉ thể hiện qua ý niệm, cách suy nghĩ mà còn được tôn trọng, ghi nhận, thể chế trong những trang cổ luật tạo ra tính bảo hộ mạnh mẽ đối với quyền được sống. Điều đó được thể hiện qua việc pháp luật phong kiến Việt Nam quy định những hình phạt nghiêm khắc đối với hành vi nguy hại hoặc tước đoạt tính mạng con người; quy định chặt chẽ đối với những trường hợp phải chịu án tử hình nhằm thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt này. Tuy nhiên, với cách tiếp cận quyền sống không chỉ là sự toàn vẹn về tính mạng mà quyền này bao gồm cả những khía cạnh nhằm bảo đảm sự tồn tại của con người. Vì vậy, pháp luật phong kiến Việt Nam không chỉ quy định các biện pháp phòng, chống và

trừng trị việc tùy tiện tước đoạt tính mạng con người mà còn quy định trách nhiệm của quan lại trong việc chăm lo và không ngừng nâng cao mức sống cho mọi người. Việc bảo đảm quyền sống còn đòi hỏi nhà nước phải thực thi những biện pháp để thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo môi trường xã hội ổn định, an toàn cho người dân.

*2.1. Pháp luật phong kiến Việt Nam quy định những hình phạt nghiêm khắc đối với hành vi nguy hại hoặc tước đoạt tính mạng con người*

Quyền sống là một quyền thiêng liêng của con người. Theo Điều 6 Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR): *Mọi người đều có quyền có hữu là được sống. Quyền này phải được pháp luật bảo vệ. Không ai có thể bị tước mạng sống một cách tùy tiện* (Khoản 1). Dù nhìn nhận quyền con người ở phương diện nào và như thế nào thì cũng phải thừa nhận rằng, cái cốt lõi và thực chất của quyền con người là quyền được sống, được chăm sóc, được bảo vệ và tất cả các quyền khác của con người chỉ được thực hiện và chỉ có ý nghĩa khi quyền sống, quyền được chăm sóc, được bảo vệ, được tôn trọng, bảo đảm trong thực tế và được thể chế hoá bằng pháp luật. Điều 19 Hiến pháp năm 2013 Việt Nam cũng khẳng định: “Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật”.

Phòng chống những hành động tội phạm gây nguy hại hoặc tước đoạt tính mạng con người là biện pháp quan trọng để bảo đảm quyền sống. Các quốc gia cần tiến hành các biện pháp phòng chống và

<sup>(1)</sup> Đoạn 2 Bình luận chung số 6 được ủy ban Nhân quyền thông qua tại phiên họp lần thứ 16 năm 1982.

trừng trị việc tùy tiện tước đoạt tính mạng con người do bất kỳ chủ thể nào gây ra, kể cả do các cơ quan nhà nước. Để bảo vệ quyền sống của con người, Quốc triều hình luật - bộ luật điển hình, đặc sắc của thời kỳ Lê sơ đã quy định hình phạt rất nghiêm khắc đối với những kẻ xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người. Chẳng hạn: “Đánh nhau mà chết người thì phải tội giảo, lấy gương giáo cố ý giết người thì phải tội chém” (Điều 467 Quốc triều hình luật); “Lấy uy quyền thế lực mà bắt trói người thì xử tội như tội đánh nhau đánh người; nhân bắt trói mà đánh người ta bị thương thì xử tội tội nặng hơn tội đánh bị thương hai bậc. Lấy uy quyền thế lực mà sai người đánh người ta bị thương hay chết thì dù mình không hạ thủ cũng phải coi là tội nặng nhất; người đánh cùng cùng một tội” (Điều 470 Quốc triều hình luật). Như vậy, không phân biệt sang hèn, giai cấp, tính mạng sức khỏe của con người đều được pháp luật bảo vệ. Ngay cả những ai vì sự thù ghét mà dùng thuật tà ma, bùa chú để định giết người (dù chưa dẫn đến chết người) cũng bị khép vào tội *mưu sát* và giảm nhẹ tội này hai bậc so với tội giết người (Điều 423 Quốc triều hình luật). Để bảo vệ quyền sống của con người, pháp luật còn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với thầy thuốc không tận tình cứu chữa người bệnh, hoặc lợi dụng nghề nghiệp làm người bệnh chết (Điều 542 Quốc triều hình luật).

Sự trừng trị nghiêm khắc đối với việc tước đoạt tính mạng con người cũng được tìm thấy trong rất nhiều quy định của Hoàng Việt luật lệ - một bộ luật điển hình triều Nguyễn. Cụ thể, nhóm tội về Nhân mạng (giết người) được quy định trong quyển 14 gồm 20 Điều (251 - 270). Trong đó, phạm tội cố ý giết người như: mưu giết

người đã hoàn thành bị xử chém giam chờ nhưng con cháu giết ông bà cha mẹ và tôn trưởng, giết ba người trong một nhà, giết người dã man đều bị lăng trì (Điều 253, 256, 257) giết sứ giả của vua, giết trưởng quan đều xử chém (Điều 252, 258, 259); giết người với lỗi vô ý bị xử trượng, đở hoặc lưu (Điều 262).

Một điểm đáng ghi nhận, nổi bật của pháp luật thời kỳ này là pháp luật không chỉ bảo vệ quyền sống của những người tự do mà còn quan tâm bảo vệ quyền sống của cả những người đang thi hành án phạt tù. Luật quy định hình phạt nặng đối với nhân viên coi ngục trong trường hợp họ để “tù nhân phạm tội nặng, bị thương cần xét nghiệm, bị bệnh cần cấp thuốc men, thức ăn mà không trình lên để xin cấp; những tù nhân phạm tội nhẹ, đáng được để người thân thuộc bảo lãnh mà không cho (...) hoặc vì cố ý mà bị chết...” (Điều 663 Quốc triều hình luật). Ngay cả đối với người đã bị kết án tử hình, khi họ “chưa hết hy vọng gỡ tội mà giết tội nhân thì người liên can đều phải khép vào tội giết người”, dù đó là hành vi của người thân, nhằm đáp ứng yêu cầu của tử tội (Điều 662 Quốc triều hình luật). Đây là những quy định hết sức nhân văn và tiến bộ của pháp luật phong kiến Việt Nam thể hiện sự coi trọng tính mạng của con người.

Truyền thống của người Việt Nam coi *người sống hơn đồng vàng* là nhằm đề cao *quyền được sống* của mọi người như quy định tại Điều 6 của Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị. Sự tôn trọng này không chỉ dừng lại ở quan hệ giữa người với người trong phạm vi dân tộc mà còn được mở rộng ra cả với bạn bè gần xa, thậm chí với kẻ vốn là thù địch. Trong lịch sử, dân tộc ta đã hơn một lần thể hiện sự khoan dung đối với kẻ thù bằng việc trao

trả quyền sống và chu cấp điều kiện cần thiết để bảo toàn tính mạng, phù hợp với nội dung của luật nhân đạo quốc tế về đối xử với tù binh trong thời kỳ chiến tranh. Trong thư gửi Vương Thống, Nguyễn Trãi viết: “Cầu đường sửa xong, thuyền xe sắm đủ, hai đường thủy lục, tùy theo ý muốn, đưa quân ra cõi, yên ổn muôn phần”<sup>(2)</sup>. Hành động tha cho hàng binh thể hiện truyền thống nhân đạo, nhân nghĩa của dân tộc đồng thời thể hiện tầm nhìn xa trông rộng, muốn dập tắt ngọn lửa hận thù dân tộc, nguồn gốc gây nên những cuộc chiến tranh báo thù không bao giờ chấm dứt, từ đó xây dựng đất nước thái bình thịnh vượng trong tình hòa hảo bền lâu. Những dân tộc luôn phải đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ độc lập tự do của mình như dân tộc Việt Nam thì nhân quyền trước hết là quyền được sống độc lập, tự do trên mảnh đất thân yêu nơi mình sinh ra và trưởng thành. Chúng ta hiểu rất rõ một điều rằng: Một trong các nguy cơ phổ biến đe dọa quyền sống là chiến tranh và các tội phạm nghiêm trọng như diệt chủng hay tội phạm chống nhân loại. Vì vậy, việc chống chiến tranh và các tội phạm này cũng là sự bảo đảm quyền sống. Theo cách tiếp cận đó, việc bảo đảm quyền sống có mối liên hệ với nghĩa vụ cấm các hoạt động tuyên truyền chiến tranh và kích động hận thù, bạo lực nêu ở Điều 20 ICCPR (đoạn 3).

*2.2. Pháp luật phong kiến Việt Nam quy định trách nhiệm của quan lại trong việc chăm lo, nâng cao đời sống nhân dân nhằm bảo đảm sự tồn tại của con người*

Quyền sống không nên hiểu theo nghĩa hẹp chỉ là sự toàn vẹn về tính mạng mà hơn thế, quyền này bao gồm cả những khía cạnh nhằm bảo đảm sự tồn tại của

con người. Theo cách tiếp cận đó, việc bảo đảm quyền sống còn bao hàm cả việc nhà nước có trách nhiệm đảm bảo mức sống tối thiểu cho mỗi người và không ngừng được nâng cao mức sống cho mọi người. Điều 294 Quốc triều hình luật quy định rõ: “Trong kinh thành hay phường, ngõ và làng xóm có kẻ đau ốm mà không ai nuôi nấng, nằm ở đường sá, cầu, diếm, chùa, quán, thì xã quan ở đó phải dựng lều lên mà gìn giữ, săn sóc và cho họ cơm cháo, thuốc men, cốt sao cứu sống họ, không được để họ rên rĩ khốn khổ”. Hoặc những người góa vợ, góa chồng, mồ côi và người tàn tật nặng, nghèo khổ không có người thân thích để nương tựa, không thể tự mình mưu sống được thì quan sở tại phải thu nuôi họ (Điều 295 Quốc triều hình luật). Để tạo môi trường xã hội ổn định, đảm bảo đời sống của mọi người, Hoàng Việt luật lệ cũng có những quy định trừng trị nghiêm khắc với việc các quan lại thiếu trách nhiệm với những người có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật: “Phàm quan ở các châu huyện thấy tình trạng tật bệnh khổ sở của dân chúng không trình báo rõ lên thượng ti khiến cho dân không có chỗ nương tựa, trông cậy, thì bị cách chức, vĩnh viễn không được sử dụng nữa. Nếu đã qua trình báo rõ ràng mà thượng ti không phê chuẩn để đạt tiếp thì [thượng ti] cũng bị cách chức” (Hoàng Việt luật lệ, Quyển 5, “Lại luật Công thức Sự ứng tấu bất tấu”).

Là một nước nông nghiệp, nên các bộ luật tiêu biểu của pháp luật phong kiến Việt Nam có nhiều quy định nhằm bảo vệ sức lao động, sức kéo và bảo vệ dê điều. Theo đó, tất cả những hành động tự tiện

<sup>(2)</sup> Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1976). Nguyễn Trãi toàn tập, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.81.

chiếm ruộng đất, của cải, tiền bạc của dân, tự tiện thu thuế và thu thuế trái quy định của dân để làm của riêng, kể cả để làm lễ vật cúng phụng nhà vua, đều vi phạm pháp luật và phải bị nghiêm trị; toàn bộ tài sản của dân bị chiếm đoạt hoặc thu sai quy định phải trả lại gấp đôi cho dân (các Điều 181, 185, 186, 206, 300, 325, 326, 336, 338 Quốc triều hình luật). Ngoài ra, bộ luật còn đưa ra các điều luật để ngăn cấm và trừng phạt các tội tự tiện giết, bán súc vật, trâu ngựa; phá hoại hoa màu, dê diều, cầu cống... ảnh hưởng đến công việc và đời sống của dân (các Điều 573, 575, 578, 579, 580, 581, 596 Quốc triều hình luật)... Bảo vệ cuộc sống và sản xuất của người dân là trách nhiệm quan trọng của quan chức nhà nước: “Trong hạt cai quản có hổ, chó sói, lợn rừng cắn hại nhân dân, phá hoại lúa má, mà không dụng tâm tìm cách săn bắn, thì xử tội biếm” (Điều 371 Quốc triều hình luật). “Việc giữ dê không vững vàng hoặc là quan giám đương không ra sức giữ gìn để cho nước lụt làm vỡ dê, làm mất hoa màu của dân thì quan lộ và quan giám đương nhiên bị biếm hai tư, bãi chức” (Điều 182 Quốc triều hình luật). “Trong hạt có nơi nào mà bị nạn lụt, hạn, mưa đá, sâu keo, châu chấu phá hoại lúa má, quan chủ ty đáng phải tâu mà không tâu hay tâu sai sự thật thì xử tội trưng hay phạt” (Điều 349 Quốc triều hình luật). Trong Điều số 7, Quyển 21 Hoàng Việt luật lệ, việc sửa chữa, bảo vệ dê diều, bờ ruộng cũng được quy định và giải thích cụ thể: “Dê phòng chống thủy dao quan hệ đến đời sống dân sinh là hết sức quan trọng... Bờ đắp quanh ruộng tuy là thứ yếu đối với bờ đắp theo sông (dê), nhưng có quan hệ trực tiếp đến nông nghiệp, đều là việc của dân, không thể chậm trễ. Nếu hư hỏng không lo sửa chữa

hoặc sửa chữa không đúng lúc thì quan phụ trách bị phạt...”

Như vậy, để bảo đảm nâng cao mức sống của người dân, pháp luật có nhiều quy định nhằm bảo vệ sản xuất, khuyến khích việc khai hoang phục hóa, tạo môi trường xã hội ổn định, an toàn cho mọi người.

### 2.3. Pháp luật phong kiến Việt Nam quy định chặt chẽ đối với những trường hợp phải chịu án tử hình

Luật nhân quyền quốc tế bảo vệ quyền sống nhưng không xem đó là một quyền tuyệt đối mà không thể bị tước bỏ trong mọi trường hợp. Trong ICPPR và các văn kiện khác của luật nhân quyền quốc tế không có điều khoản nào bắt buộc các quốc gia thành viên phải xóa bỏ án tử hình hoặc xem việc áp dụng hình phạt tử hình là sự vi phạm quyền sống. Tuy nhiên, để bảo vệ quyền sống khỏi bị tước bỏ một cách tùy tiện, hay nói cách khác là để phòng ngừa việc lạm dụng hình phạt tử hình, luật nhân quyền quốc tế quy định các quốc gia có nghĩa vụ giới hạn áp dụng hình phạt này chỉ với “những tội ác nghiêm trọng nhất”<sup>(3)</sup>.

Xét về mặt lịch sử, hình phạt tử hình đã được áp dụng từ thời phong kiến ở nước ta cho đến nay<sup>(4)</sup>, tuy ở mỗi thời kỳ, cách thức và mức độ áp dụng hình phạt này có những điểm khác nhau. Bên cạnh việc áp dụng những hình phạt nghiêm khắc đối với việc vô cớ cướp đoạt quyền sống của

<sup>(3)</sup> Nguyễn Đăng Dung - Vũ Công Giao - Lê Khánh Tùng (đồng chủ biên, 2011), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 158.

<sup>(4)</sup> Vũ Công Giao, *Quyền sống và hình phạt tử hình trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam* tại: <http://khoa luat.vinhuni.edu.vn/nghien-cuu-khoa-hoc/seo/bai-viet-quyen-song-va-hinh-phat-tu-hinh-trong-phap-luat-quoc-te-va-phap-luat-viet-nam-82353>

người khác, pháp luật phong kiến Việt Nam đồng thời có những quy định chặt chẽ đối với những trường hợp phải chịu án tử hình. Mặc dù không tránh khỏi những hạn chế chung như các chế độ phong kiến chuyên chế nhưng truyền thống nhân đạo, quý trọng con người của dân tộc đã ảnh hưởng sâu sắc đến nhà làm luật. Quốc triều hình luật quy định, người từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống, dù có phạm tội chết cũng đương nhiên không bị hành hình; người từ 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống và người bị ác tật, nếu phạm tội chết, nhất thiết phải tâu trình lên để nhà vua phán xét, do đó vẫn còn hy vọng thoát án tử hình (Điều 16 Quốc triều hình luật). Những người dân tộc miền núi, phạm tội cướp bóc và giết nhau (theo luật đều phải tử hình) nhưng được giảm tội, nếu họ hòa giải với nhau (tức không khởi kiện) thì không cần giải quyết bằng pháp luật (Điều 451 Quốc triều hình luật). Trong quyển 3 mục *Danh lệ*, Điều 21 *Lão thiếu phế tật thu phục* (nhận giá chuộc đối với người già, trẻ em, người tàn phế) Hoàng Việt luật lệ cũng có những quy định tương tự: “80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống và bệnh nặng (hư hai mắt, gãy hai chi) phạm tội giết người phải tội chết (treo cổ hay chém) thì nghị xử tâu lên vua chờ quyết định của vua... 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống dù có phạm tội chết cũng không phải chịu hình phạt nào...”.

Điểm đáng được ghi nhận và thể hiện rõ tính nhân văn, nhân ái của pháp luật phong kiến Việt Nam chính là các quy định thể hiện sự bênh vực, bảo vệ cho đối tượng phạm nhân nữ. Trong lịch sử lập pháp của nước ta, đến thế kỷ XV chưa có một trào lưu tư tưởng nào đứng ra bênh vực quyền lợi người phụ nữ hay đấu tranh đòi bình quyền nam nữ, và thời kỳ này còn

là giai đoạn mà Nho giáo phát triển đến đỉnh cao chưa từng thấy trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Tuy vậy, trên cơ sở nhận thức về vị trí, vai trò của con người, nhà lập pháp triều Lê đã nhận thấy người phụ nữ có những đặc điểm sinh học khác với nam giới rất nhiều, họ có thiên chức làm mẹ, làm vợ nên cần phải ưu ái hơn vì vậy nhà lập pháp đã phân định rõ ràng chính sách áp dụng hình phạt nhẹ hơn cho phụ nữ. Đặc biệt, đối với hình phạt tử: cho phép hoãn hình phạt đối với phụ nữ đang có thai và 100 ngày sau khi sinh con. Điều 680 Quốc triều hình luật quy định: “Đàn bà phải tội tử hình trở xuống nếu đang có thai, thì phải đẻ sinh đẻ sau 100 ngày mới đem hành hình. Nếu chưa sinh mà đem hành hình thì ngục quan bị xử biếm hai tư; ngục quan bị đổ làm bản cục đình. Dù đã sinh rồi, nhưng chưa đủ hạn một trăm ngày mà đem hành hình thì ngục quan và ngục lại bị tội nhẹ hơn tội trên hai bậc...”.

Như vậy, pháp luật phong kiến Việt Nam đã đặt ra một số những hạn chế khi sử dụng hình phạt tử hình nhằm thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt này đặc biệt đối với những đối tượng yếu thế trong xã hội như người già, trẻ em, phụ nữ... Điều này thể hiện truyền thống khoan dung, nhân đạo vị con người của cổ luật Việt Nam. Đây là một điểm tiến bộ, nhân văn cần được kế thừa, ghi nhận.

### **3. Giá trị kế thừa từ các quy định của pháp luật phong kiến Việt Nam đối với việc bảo đảm quyền sống**

Mặc dù, chịu ảnh hưởng rất nhiều của văn hóa và pháp luật Trung Hoa, sự quy định của các điều kiện kinh tế - xã hội nhưng pháp luật phong kiến Đại Việt vẫn thể hiện được những tư tưởng tiến bộ, nhân đạo, và giá trị nhân văn vì con người. Pháp luật phong kiến Việt Nam đã

có những biện pháp rất cụ thể nhằm bảo vệ những quyền cơ bản của con người trong đó có quyền sống. Những quy định đó trong cổ luật vẫn còn giá trị nghiên cứu, kế thừa và áp dụng trong quá trình hoàn thiện pháp luật hiện nay. Nhất là khi nhà nước Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tất cả vì con người.

Quy định thể hiện bản chất nhân văn, thấm đẫm tính nhân đạo của Quốc triều hình luật là tù nhân dù phạm tội nhẹ hay nặng đều được nhà nước bảo đảm những quyền con người cơ bản nhất như chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, cấp thức ăn, cho người thân bảo lãnh. Các quyền lợi này của tù nhân đã được tiếp thu vào pháp luật đương đại và trở thành một nét đẹp thể hiện truyền thống nhân ái lâu đời của người Việt Nam. Trên thế giới, chỉ đến những năm thuộc thế kỷ XX, nhân loại mới đề cập đến quyền con người - quyền được đối xử nhân đạo của tù nhân thì ở nước ta trong thế kỷ XV, những quyền đó đã được nhà nước ghi nhận bằng luật. Điều này cho thấy, trong tiến trình lịch sử, người Việt Nam có nhiều đóng góp cho việc xây dựng các thang giá trị nhân văn chung của nhân loại, là một thành tố tích cực trong đời sống chính trị - pháp lý quốc tế.

Bên cạnh đó, các quy định mang tính nhân đạo đối với người phạm tội là người già, trẻ em (*Nếu người từ 80 tuổi trở lên, trẻ em từ 10 tuổi trở xuống hoặc người bị ác tật phạm tội phản nghịch, giết người đáng tội chết thì phải tâu vua để xác định, nếu ăn trộm và đánh người bị thương thì cho chuộc bằng tiền. Còn đối với người từ 90 tuổi trở lên và 7 tuổi trở xuống nếu phạm tội chết cũng được tha không bị hành hình*)<sup>(5)</sup>, đối với phụ nữ (*cho phép hoãn thi hành hình*

*phạt - tất cả các hình phạt từ tử hình trở xuống - đối với phụ nữ đang có thai và trong thời gian 100 ngày sau khi sinh con*)<sup>(6)</sup> đã được tiếp nối, biểu hiện dưới sắc thái khác trong luật hình sự Việt Nam hiện đại. Tương ứng với tinh thần nhân đạo bảo vệ quyền sống của con người được nêu ở các quy định trên, Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện nay đã có các quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên, về tình tiết giảm nhẹ hình phạt đối với người phạm tội là người già... Bộ Luật Hình sự Việt Nam cũng quy định không áp dụng hình phạt tử hình và không thi hành án tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Khoản 2, Khoản 3, Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuy vậy, những giá trị tiến bộ của pháp luật phong kiến Việt Nam về bảo đảm quyền sống chỉ được coi là tiến bộ khi nó được đặt trong bối cảnh xã hội thời bấy giờ và khi so sánh với pháp luật Trung Hoa và Tây Âu cũng như nhiều quốc gia khác cùng thời điểm. Do đó, việc kế thừa những giá trị tiến bộ của pháp luật phong kiến đối với pháp luật hiện nay phải trên tinh thần *gan đục khơi trong*, kế thừa những cái vẫn còn phù hợp trên cơ sở có bổ khuyết thêm những nội dung, giá trị mới. Bên cạnh những điểm tiến bộ hướng đến bảo đảm quyền sống của con người trong pháp luật phong kiến Việt Nam được phân tích, đánh giá ở trên cũng dễ nhận thấy điểm hạn chế là tư tưởng hình sự hóa các quan hệ pháp luật trong quá trình lập pháp. Tư tưởng này đã làm cho pháp luật

<sup>(5)</sup> Điều 16, *Quốc triều hình luật* (2013), Nxb. Tư pháp, Hà Nội

<sup>(6)</sup> Điều 680, *Quốc triều hình luật* (2013), Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

phong kiến với những chế tài hình sự nghiêm khắc không tránh được sự nặng nề, ám ảnh, đôi khi đi ngược lại với các lý tưởng pháp lý hiện đại. Là bộ luật của giai cấp địa chủ phong kiến, Quốc triều hình luật, Hoàng Việt luật lệ trở thành công cụ hữu hiệu của giai cấp địa chủ phong kiến dùng để cai trị nhân dân và bảo vệ vương quyền, bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị. Mọi sự phản kháng của những con người không chịu phục tùng, xâm hại đến quyền lợi của giai cấp địa chủ phong kiến đều bị thẳng tay đàn áp bằng các hình phạt dã man, tàn khốc như đánh trượng, thắt cổ, chém bêu đầu... Điều này cũng góp phần lí giải vì sao Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ được xây dựng chủ yếu theo hướng tội phạm - hình phạt, nặng về trừng trị, và nó trái với mục đích ban hành pháp luật của xã hội hiện đại chủ yếu dùng để định hướng hành vi con người. Điều này cũng đi ngược lại với nội dung Điều 7 ICCPR, Điều 5 UDHR (Tuyên ngôn thế giới về quyền con người, 1948) về quyền được bảo vệ không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm... Vấn đề chống tra tấn cũng được đề cập trong một số điều ước quốc tế khác về quyền con người, đặc biệt là Công ước về chống tra tấn và các hình thức đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (CAT, 1984).

Pháp luật phong kiến Việt Nam có những quy định chặt chẽ đối với những trường hợp phải chịu án tử hình nhưng có thể thấy hình phạt này vẫn được áp dụng khá phổ biến cho nhiều loại vi phạm pháp luật. Điều này không phù hợp với tinh thần của luật nhân quyền quốc tế. Do đó,

chúng ta cần nghiên cứu giảm dần số tội danh có quy định hình phạt tử hình. Giảm tử hình cũng là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện trong Nghị quyết số 49 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp cũng như trong Hiến pháp năm 2013 về ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ quyền sống của con người.

Trên cơ sở tổng kết thực hiện áp dụng hình phạt tử hình và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong thời gian tới, Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung các quy định về hình phạt tử hình theo hướng:

+ Quy định chặt chẽ các điều kiện áp dụng hình phạt tử hình nhằm thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt này, theo đó hình phạt tử hình chỉ được áp dụng đối với một số đối tượng phạm một số loại tội đặc biệt nghiêm trọng.

+ Bổ sung đối tượng không áp dụng hình phạt tử hình, đó là người từ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử. Việc bổ sung đối tượng này vào diện không áp dụng hình phạt tử hình thể hiện chính sách hình sự nhân đạo đối với những người đã đến tuổi thượng thọ - đối tượng được hưởng chế độ chúc thọ, mừng thọ của nhà nước, được đặc cách hưởng chính sách bảo trợ xã hội (Khoản 3 Điều 40). Như vậy, theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì đối tượng không áp dụng hình phạt tử hình bao gồm: phụ nữ đang có thai, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và người già từ 75 tuổi trở lên.

Tuy nhiên, cần thấy rằng phạm vi và mức độ áp dụng hình phạt tử hình trong Bộ luật hình sự của Việt Nam hiện vẫn còn rộng so với nhiều nước và so với quan điểm của Liên hợp quốc. Theo thống kê của tổ chức Ân xá quốc tế, Việt Nam thuộc vào 55 nước trên thế giới hiện vẫn còn



tuyên hình phạt này, và thuộc vào nước vẫn còn thi hành nhiều án tử hình<sup>(7)</sup>.

Để phù hợp với quan điểm của Liên hợp quốc, xu hướng chung trên thế giới và thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó chủ trương từng bước hạn chế, giảm tối đa quy định hình phạt tử hình đối với các tội phạm, vẫn cần tiếp tục nghiên cứu giảm và tiến tới xóa bỏ hình phạt tử hình. Trong trường hợp vẫn còn duy trì, chỉ nên giữ lại hình phạt tử hình với *tội giết người* và *tội phản quốc*.

#### 4. Kết luận

Có thể khẳng định rằng, ngoài những hạn chế, tính chất cứng nhắc và tiêu cực, pháp luật phong kiến Việt Nam còn chứa đựng nhiều yếu tố, giá trị tích cực, tiến bộ. Trong đó, cần phải nhấn mạnh và khẳng định đến một giá trị nổi bật là, *những quyền tối thiểu nhưng cơ bản của con người như quyền sống, quyền được chăm sóc, bảo vệ được pháp luật ghi nhận và quyền sống chỉ bị tước bỏ (bị tử hình) khi vi phạm những điều đã được quy định chặt chẽ trong hình luật*. Những quyền ấy cùng những giá trị của nó không chỉ được thể hiện ở những tư tưởng, đường lối, chủ trương mà còn được quy định cụ thể trong các quy định của hai bộ hình luật tiêu biểu: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ cũng như ở cả việc chỉ đạo, hướng dẫn việc thực thi pháp luật. Tất cả đều nhằm làm cho những quyền cơ bản của con người được thực hiện có hiệu quả trong thực tế đúng theo tinh thần của Nho giáo mà các triều đại phong kiến Việt Nam lấy làm hệ tư tưởng: Dân là gốc nước, là nền tảng của chính trị. Việc nghiên cứu những nội dung mang tính bảo vệ quyền con người của pháp luật phong kiến góp

phần hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng ngày càng nhân văn, tiến bộ hơn, phù hợp với xu hướng tiến bộ của thế giới, bảo vệ tốt hơn các quyền con người, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện sử học (2013), *Quốc triều hình luật*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Thành - Vũ Trinh - Trần Hựu (1994), *Hoàng Việt luật lệ*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Hoàn (2013), *Chính sách, pháp luật của Việt Nam về hình phạt tử hình*, Kỷ yếu Hội thảo về quyền sống và hình phạt tử hình do Viện Chính sách công và Pháp luật tổ chức tại Hà Nội năm 2013.
4. PGS. TS Vũ Công Giao, *Quyền sống và hình phạt tử hình trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam* tại <http://khoa luat.vinhuni.edu.vn/nguyen-cuu-khoa-hoc/seo/bai-viet-quyen-song-va-hinh-phat-tu-hinh-trong-phap-luat-quoc-te-va-phap-luat-viet-nam-82353>.
5. TS. Lê Thị Sơn (chủ biên, 2004), *Quốc triều hình luật, Lịch sử hình thành, nội dung và giá trị*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1976), *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Đăng Dung - Vũ Công Giao - Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên, 2011), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

<sup>(7)</sup> Nguyễn Văn Hoàn, *Chính sách, pháp luật của Việt Nam về hình phạt tử hình*, Kỷ yếu Hội thảo về quyền sống và hình phạt tử hình do Viện Chính sách công và Pháp luật tổ chức tại Hà Nội năm 2013.